TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/DS-ST
Ngày: 23 - 10 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hồ Xuân Giao
2. Ông H Văn Mầm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nguyệt Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột:*** Không tham gia.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/QĐST-DS ngày 15/10/2018; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**Bà Lê Thị Kim N (có mặt)

Địa chỉ: 37 V, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Đặng Quang H và bà Trần Thị H (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 149 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Trần Tú U(Vắng mặt)

Địa chỉ: 149 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày:

Ông Đặng Quang H và bà Trần Thị H có quen biết với chồng tôi là ông Lê Quang Vinh nên tôi có cho vợ chồng bà H mượn tiền để giải quyết việc gia đình. Cụ thể như sau:

- Ngày 08/7/2017, mượn 6.000.000 đồng.

- Ngày 09/7/2017, mượn 6.000.000 đồng.

- Ngày 10/7/2017, mượn 60.000.000 đồng.

- Ngày 13/7/2017, mượn 10.000.000 đồng.

- Ngày 29/7/2017, mượn 9.000.000 đồng.

- Ngày 23/8/2017, mượn 25.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 116.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy mượn tiền, hẹn 30 ngày sẽ trả. Hai bên thoả thuận với nhau lãi suất theo quy định của pháp luật, khi vay tôi có cầm cố 01 giấy phép lái xe mang tên bà Trần Thị H và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Đặng Quang H . Kể từ khi vay đến nay, vợ chồng ông H , bà H chưa trả được cho tôi khoản tiền nào. Tôi đã nhiều lần đến nhà để đòi tiền nhưng ông H, bà H vẫn không chịu trả tiền cho tôi.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Đặng Quang H và bà Trần Thị H phải trả cho tôi số tiền gốc 116.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là 09%/năm.

Đối với bà Đặng Trần Tú U có ký tên trong giấy vay tiền ngày 29/7/2017 nhưng chỉ là người chứng kiến vì bà U là con gái của ông Đặng Quang H và bà Trần Thị H không có vay tiền của tôi nên tôi không yêu cầu khởi kiện.

*** Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:** Tôi xác định vợ chồng tôi có mượn tiền của bà Lê Thị Kim N để giải quyết công việc gia đình. Cụ thể như sau:

- Ngày 10/7/2017, mượn 60.000.000 đồng.

- Ngày 13/7/2017, mượn 10.000.000 đồng

Tổng cộng là 70.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, hẹn 30 ngày sẽ trả (là 02 Giấy mượn tiền mà bà Nữ đã giao nộp cho Toà án). Hai bên thoả thuận với nhau lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày. Tôi có thế chấp cho bà N 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đặng Quang H và 01 cà vẹt xe ô tô mang tên Đặng Quang H.

Đối với 04 giấy mượn tiền đề ngày 08/7/2017, mượn 6.000.000 đồng; ngày 09/7/2017, mượn 6.000.000 đồng; ngày 29/7/2017, mượn 9.000.000 đồng và ngày 23/8/2017, mượn 25.000.000 đồng, tôi và chồng tôi có ký nhưng là số tiền vay trả góp(huê), vợ chồng tôi đã trả góp xong cho bà N.

Nay bà Lê Thị Kim N khởi kiện vợ chồng tôi thì tôi xác định chỉ còn nợ bà N 70.000.000 đồng tiền gốc. Tôi xin không trả lãi và hẹn trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Đặng Quang H và người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Trần Tú U: Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông H, bà U không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Quang H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do cố tình trốn tránh, không có ý kiến trình bày về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà N nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đối với bà Trần Thị H có nên Tòa án làm việc, trình bày lời khai và tiến hành hòa giải nhưng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo xác minh tại địa phương thì được biết ông Đặng Quang H và bà Trần Thị H và bà Đặng Trần Tú U vẫn đăng ký hộ khẩu và cư trú tại 149 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị đơn vẫn nhận tống đạt thông báo của Tòa án nhưng không nên Tòa án làm việc như vậy bị đơn đã từ chối quyền và nghĩa vụ của mình, bà H thừa nhận vợ chồng có ký vay các lần tiền của bà N nhưng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh vợ chồng bà đã trả. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Ông Đặng Quang H và bà Trần Thị H có vay của bà Lê Thị Kim N các lần cụ thể:

- Ngày 08/7/2017, mượn 6.000.000 đồng.
- Ngày 09/7/2017, mượn 6.000.000 đồng.
- Ngày 10/7/2017, mượn 60.000.000 đồng.
- Ngày 13/7/2017, mượn 10.000.000 đồng.
- Ngày 29/7/2017, mượn 9.000.000 đồng.
- Ngày 23/8/2017, mượn 25.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 116.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy mượn tiền, hẹn 30 ngày sẽ trả, không có thỏa thuận về lãi suất vay mà bà Nữ giao nộp cho Tòa án là đúng; thời gian qua bà N có đòi, ông H , bà H không trả cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó bà Nữ khởi kiện yêu cầu ông H, bà H phải trả cho bà N số tiền 116.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3]Về lãi suất, Theo bà N thì khi vay tiền có thỏa bằng miệng với nhau lãi suất theo quy định, thời hạn vay là: 01 tháng sẽ trả đủ gốc và lãi, bà N đã đòi tiền ông H , bà H nhiều lần nhưng ông H, bà H không trả, nay bà đề nghị chỉ tính lãi suất 9%/năm kể từ ngày ông H, bà H vi phạm đối với các lần vay tiền. Xét yêu cầu tính lãi của bà N là có căn cứ, do đó lãi suất ông H, bà H phải trả cho bà N tính theo

mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm; cụ thể:

-Giấy vay tiền ngày 23/8/2017(ngày 24/9/2017 đến 23/10/2018)

25.000.000 đồng x 9%/năm x 394 ngày = 2.428.767 đồng.

-Giấy vay tiền ngày 08/7/2017(ngày 09/8/2017 đến 23/10/2018)

6.000.000 đồng x 9%/năm x 411 ngày = 608.054 đồng.

-Giấy vay tiền ngày 09/7/2017(ngày 10/8/2017 đến 23/10/2018)

6.000.000 đồng x 9%/năm x 412 ngày = 609.534 đồng.

-Giấy vay tiền ngày 10/7/2017(ngày 11/8/2017 đến 23/10/2018)

60.000.000 đồng x 9%/năm x 413 ngày = 6.110.136 đồng.

-Giấy vay tiền ngày 13/7/2017(ngày 14/8/2017 đến 23/10/2018)

10.000.000 đồng x 9%/năm x 416 ngày = 1.025.753 đồng.

-Giấy vay tiền 29/7/2017 (ngày 30/8/2017 đến 23/10/2018)

9.000.000 đồng x 9%/năm x 420 ngày = 932.054 đồng.

Tổng cộng lãi là: 11.714.298 đồng.

Như vậy tổng cộng cả gốc và lãi ông H, bà H phải trả cho bà N là: 116.000.000 đồng + 11.714.298 đồng= 127.714.298 đồng.

Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên bà Trần Thị H và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Đặng Quang H khi vay tiền hai bên không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên trả cho bà Trần Thị H và ông Đặng Quang H khi bà H, ông H trả hết nợ cho bà N.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Quang H và bà Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật cụ thể: 127.714.298 đồng x 5% = 6.387.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N.

Buộc ông Đặng Quang H và bà Trần Thị H phải trả cho bà Lê Thị Kim N số tiền đồng tiền nợ gốc là 116.000.000 và 11.714.298 đồng tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 127.714.298 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

Bà Lê Thị Kim N có trách nhiệm trả lại 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân ngay khi ông H, bà H trả hết nợ cho bà N.

2.Về án phí: Ông Đặng Quang H và bà Trần Thị H phải chịu 6.387.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim N số tiền 3.166.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số 0003191 ngày 02/02/2018.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.